TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 124/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01/12/2021
V/v tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **LÊ THỊ HIỆP**

- Bà **NGUYỄN THỊ KIM THÚY**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **NGUYỄN TRẦN HỒNG NHUNG** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 192/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị NGUYỄN THỊ THANH T, sinh năm 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện CB, tỉnh T.

- ***Bị đơn***: Anh LÊ HOÀNG T, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 26/4/2021, và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Chị T và anh Lê Hoàng T tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2013 có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, đến tháng 7/2020 thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị ly thân từ đó đến nay.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Nhã U, sinh ngày 11/7/2013; Lê Thị Nhã Tr, sinh ngày 12/11/2014; Lê Nhật T, sinh ngày 12/11/2018 các cháu đang sống với chị T.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Hoàng T, chị T yêu cầu nuôi 03 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị theo quy định pháp luật.

- Bị đơn anh Lê Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án***: Xét thấy, bị đơn anh Lê Hoàng T cư trú: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa chị T và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập, tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn anh Lê Hoàng T nhưng anh vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân***: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Lê Hoàng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/7/2013 tại Quyển số 110/2013, đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh T vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 07/2020 đến nay. Khi chị T có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp

lệ cho anh T nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh T đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và chị T. Xét thấy, anh chị đã ly thân hơn 01 năm qua, tình cảm vợ chồng anh, chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] ***Về con chung***: Chị T và anh T có 03 con chung tên Lê Nhã U, sinh ngày 11/7/2013; Lê Thị Nhã Tr, sinh ngày 12/11/2014; Lê Nhật T, sinh ngày 12/11/2018 các cháu đang sống với chị T. Xét thấy, từ khi anh chị ly thân đến nay các cháu do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu phát triển bình thường, đối với cháu Thiên còn nhỏ, riêng cháu U và cháu Tr tại tờ khai ghi ý kiến có mong muốn sống với chị T sau khi cha mẹ ly hôn, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý cũng như đảm bảo cuộc sống và sự phát triển bình thường của các cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu Lê Nhã U, Lê Thị Nhã Tr, Lê Nhật T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] ***Về cấp dưỡng:*** Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng 1.000.000đ trên một con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mặt khác các cháu hiện nay còn trong tuổi ăn học, phải có chi phí đảm bảo đời sống cho các cháu, nên buộc anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ trên một cháu là phù hợp điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi các cháu U, cháu Tr và cháu T trưởng thành (tròn 18 tuổi).

[5] ***Về tài sản chung, nợ chung***: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] ***Về án phí***: Chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Lê Hoàng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Lê Hoàng T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Nhã U, sinh ngày 11/7/2013; Lê Thị Nhã Tr, sinh ngày 12/11/2014; Lê Nhật T, sinh ngày 12/11/2018 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh T được quyền tới thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Lê Hoàng T cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 1.000.000đ trên một con chung cho đến khi các cháu Lê Nhã U, Lê Thị Nhã Tr, Lê Nhật T tròn 18 tuổi lao động được. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 01/12/2021).

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khỏa 2 Điều 168 của Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000186 ngày 06/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

Anh Lê Hoàng T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kim Ngọc